



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 8 năm 2025. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng (trước đây là Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng) cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Trịnh Văn Tuấn

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên độc lập
(từ ngày 19/5/2025)

Bà Vũ Thị Minh Nhật

Thành viên độc lập
(từ ngày 19/5/2025)

Bà Đặng Phương Lan

Thành viên
(từ ngày 19/5/2025)

Ông Bùi Đức Long

Thành viên
(đến ngày 19/5/2025)

Ông Đào Anh Thắng

Thành viên độc lập
(đến ngày 19/5/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Ông Nguyễn Văn Thúc
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật
Phó Tổng Giám đốc Nội chính
Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
(từ ngày 1/11/2025)

Ông Đào Anh Thắng

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
(từ ngày 1/11/2025)

Bà Ngô Thị Thu Thủy

Phó Tổng Giám đốc Sản xuất
(đến ngày 19/5/2025)

Ủy ban Kiểm toán

Bà Vũ Thị Minh Nhật

Chủ tịch
(từ ngày 19/5/2025)

Bà Đặng Phương Lan

Thành viên
(từ ngày 19/5/2025)

Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
(đến ngày 19/5/2025)

Ông Bùi Đức Long

Thành viên
(đến ngày 19/5/2025)

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chú Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2026

11
ÔN
TN
P
PH



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiêu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiêu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00206-26-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.994.152.756.920	4.348.198.784.710
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	435.809.228.096	515.428.078.360
Tiền	111		174.463.092.583	274.446.909.745
Các khoản tương đương tiền	112		261.346.135.513	240.981.168.615
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.670.000.000.000	2.492.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.670.000.000.000	2.492.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		501.189.687.614	426.401.803.966
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	374.151.723.141	388.318.659.135
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	133.427.818.150	64.997.213.700
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	49.676.210.130	28.628.218.531
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(56.066.063.807)	(55.542.287.400)
Hàng tồn kho	140	10	1.336.661.843.260	901.760.865.810
Hàng tồn kho	141		1.337.242.304.279	901.794.477.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(580.461.019)	(33.611.274)
Tài sản ngắn hạn khác	150		50.491.997.950	12.608.036.574
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	47.074.330.245	12.191.400.704
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	16	3.417.667.705	416.635.870

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.630.934.858.824	1.698.576.323.442
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.272.496.736	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		8.272.496.736	-
Tài sản cố định	220		1.148.300.758.037	1.170.263.904.699
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.148.300.758.037	1.170.263.904.699
<i>Nguyên giá</i>	222		3.010.819.476.124	2.908.317.711.357
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.862.518.718.087)	(1.738.053.806.658)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.501.022.223	2.501.022.223
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.501.022.223)	(2.501.022.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		40.472.378.026	9.352.496.402
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	40.472.378.026	9.352.496.402
Đầu tư tài chính dài hạn	250		330.672.188.600	380.672.188.600
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	101.360.188.600	101.360.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	10.000.000.000	60.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		103.217.037.425	138.287.733.741
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	103.217.037.425	138.287.733.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.625.087.615.744	6.046.775.108.152

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.704.047.467.660	2.644.122.316.430
Nợ ngắn hạn	310		2.704.047.467.660	2.644.122.316.430
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	274.728.332.355	306.642.957.145
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	812.287.810.720	595.961.107.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	219.071.576.788	68.481.981.726
Phải trả người lao động	314		53.154.688.020	53.589.672.704
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	129.360.544.629	110.228.634.154
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	143.482.955.805	132.606.465.013
Vay ngắn hạn	320	19	1.067.385.043.400	1.369.758.366.181
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	4.576.515.943	6.853.132.157
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.921.040.148.084	3.402.652.791.722
Vốn chủ sở hữu	410	21	3.921.040.148.084	3.402.652.791.722
Vốn cổ phần	411	22	1.710.382.200.000	1.425.322.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.710.382.200.000	1.425.322.840.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	1.217.621.008.916	1.217.621.008.916
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		993.036.939.168	759.708.942.806
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.210.343.220	47.205.133.220
- LNST năm nay	421b		945.826.595.948	712.503.809.586
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.625.087.615.744	6.046.775.108.152

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	6.236.504.163.501	5.280.269.032.332
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	175.491.983.324	153.415.413.265
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	26	6.061.012.180.177	5.126.853.619.067
Giá vốn hàng bán	11	27	4.285.832.451.469	3.639.321.711.136
Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		1.775.179.728.708	1.487.531.907.931
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	370.708.179.766	261.599.472.835
Chi phí tài chính	22	29	116.518.086.056	81.172.219.940
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		74.119.237.493	45.940.813.068
Chi phí bán hàng	25	30	609.411.068.191	607.362.894.254
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	275.142.147.776	210.675.270.238
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.144.816.606.451	849.920.996.334
Thu nhập khác	31		4.954.940.935	9.077.891.005
Chi phí khác	32		11.589.878.556	2.991.943.874
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(6.634.937.621)	6.085.947.131
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.138.181.668.830	856.006.943.465
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	192.355.072.882	143.503.133.879
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		945.826.595.948	712.503.809.586

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.138.181.668.830	856.006.943.465
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	139.981.933.259	144.041.161.626
Các khoản dự phòng	03	1.070.626.152	606.312.141
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(630.675)	(93.225.592)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(368.054.706.555)	(262.212.040.416)
Chi phí lãi vay	06	74.119.237.493	45.940.813.068
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	985.298.128.504	784.289.964.292
Biến động các khoản phải thu	09	(23.413.515.842)	488.196.810.915
Biến động hàng tồn kho	10	(435.447.827.195)	172.081.161.459
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	227.599.441.013	690.975.683.790
Biến động chi phí trả trước	12	187.766.775	(11.551.901.148)
		754.223.993.255	2.123.991.719.308
Tiền lãi vay đã trả	14	(75.191.512.842)	(47.588.141.777)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(54.285.309.864)	(125.840.908.700)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(73.385.145.800)	(67.832.049.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	551.362.024.749	1.882.730.619.831
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(199.030.668.711)	(68.169.801.816)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	2.025.331.747	996.181.819
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng và đầu tư trái phiếu	23	(3.033.000.000.000)	(3.092.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	2.905.000.000.000	1.500.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.400.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	352.810.030.336	256.218.061.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.804.693.372	(1.408.355.558.838)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	4.644.722.169.062	3.395.254.474.105
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.947.095.491.843)	(3.670.723.984.405)
Tiền trả cổ tức	36	(356.330.710.000)	(129.575.334.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(658.704.032.781)	(405.044.844.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(79.537.314.660)	69.330.216.693
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	515.428.078.360	446.071.490.535
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(81.535.604)	26.371.132
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	435.809.228.096	515.428.078.360

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Lưu Thị Mai
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 8 năm 2025.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và
- Giáo dục và đào tạo các cấp, đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, năng khiếu và các dịch vụ dạy kèm khác.

Trong năm, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1.292 nhân viên (1/1/2025: 1.262 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 21 đến 31 năm.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	323.314.694	86.044.206
Tiền gửi ngân hàng	174.139.777.889	274.360.865.539
Các khoản tương đương tiền (*)	261.346.135.513	240.981.168.615
	<hr/>	<hr/>
	435.809.228.096	515.428.078.360

- (*) Các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank). Các khoản này được hưởng lãi suất năm 5,5% (1/1/2025: từ 5% đến 9%) và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, đồng thời không có rủi ro đáng kể về thay đổi giá trị.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiểu niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính	(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2025		1/1/2025		
		Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn					
	▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		2.670.000.000.000		2.670.000.000.000	2.492.000.000.000
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn					
	▪ Tiền gửi có kỳ hạn		-		-	50.000.000.000
	▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	100.000	10.000.000.000	(*)	100.000	10.000.000.000 (*)
			<u>10.000.000.000</u>		<u>60.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,4% đến 8% (1/1/2025: từ 4,4% đến 9%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một năm một lần vào ngày 20 tháng 7.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025					1/1/2025				
	Tỷ lệ % sở hữu và biểu quyết	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	
Đầu tư góp vốn vào:										
Công ty con										
▪ Công ty TNHH Nhựa Thiều niên Tiên Phong Miền Trung (i)	100,00%		120.000.000.000	-	(*)		120.000.000.000	-	(*)	
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiên Phong (ii)	100,00%		11.100.000.000	-	(*)		11.100.000.000	-	(*)	
			<u>131.100.000.000</u>	<u>-</u>			<u>131.100.000.000</u>	<u>-</u>		
Công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong phía Nam (iii)	27,39%	18.816.613	84.150.000.000	-	(*)	13.440.438	84.150.000.000	-	(*)	
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiên Phong (iv)	49,98%	499.775	5.397.000.000	-	(*)	499.775	5.397.000.000	-	(*)	
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiên Phong – SMP (v)	51,00%		23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)		23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)	
			<u>113.345.883.000</u>	<u>(23.798.883.000)</u>			<u>113.345.883.000</u>	<u>(23.798.883.000)</u>		
Đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định	13,50%	4.632.086	46.784.068.600	-	(*)	4.632.086	46.784.068.600	-	(*)	
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (vi)	1,80%	1.980.000	46.800.000.000	-	112.860.000.000	1.980.000	46.800.000.000	-	98.604.000.000	
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiên Phong	17,39%	396.000	5.148.000.000	-	(*)	396.000	5.148.000.000	-	(*)	
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	4,80%	56.406	1.128.120.000	-	(*)	56.406	1.128.120.000	-	(*)	
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	1,11%	150.000	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	150.000	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	
			<u>101.360.188.600</u>	<u>(1.335.000.000)</u>			<u>101.360.188.600</u>	<u>(1.335.000.000)</u>		
			<u>345.806.071.600</u>	<u>(25.133.883.000)</u>			<u>345.806.071.600</u>	<u>(25.133.883.000)</u>		



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

Tại cuộc họp ngày 3 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2024 bằng cách phát hành 19.626.491 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 40% vốn điều lệ, tương đương 196.264 triệu VND. Công ty được nhận 5.376.175 cổ phiếu.

- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Việt Nam cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.

- (vi) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được xác định dựa trên giá giao dịch công khai của cổ phiếu trên thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	123.693.297.516	227.636.669.133
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (ii)	45.070.844.867	45.070.844.867
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong công ty liên kết (ii)	13.662.000	12.204.000
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (ii)	9.238.521.980	13.238.521.980
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	159.713.545.046	57.549.413.148
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	18.256.928.256	22.563.585.360
Iplex Pipelines NZ Ltd	9.549.856.089	1.922.933.586
Các khách hàng khác	8.615.067.387	20.324.487.061
	374.151.723.141	388.318.659.135

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Eplas	96.875.716.112	45.211.510.015
Công ty TNHH Công nghệ xanh Hoa Sen	13.882.550.000	4.954.444.000
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	1.348.188.892	1.675.601.286
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	1.467.240.191	797.208.539
Fu Chun Shin Machinery Manufacture Co., Ltd	-	1.890.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	2.330.881.023	-
GUANGDONG LIANSU MACHINERY MANUFACTURING CO., LTD	2.413.728.000	-
Công ty TNHH Tuyết Nga	1.583.789.760	-
Các nhà cung cấp khác	13.525.724.172	10.467.699.860
	<hr/>	<hr/>
	133.427.818.150	64.997.213.700
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu tiền lãi	39.846.443.835	23.445.929.210
Tạm ứng	2.631.457.043	1.145.407.894
Đặt cọc	371.000.000	550.000.000
Phải thu khác	6.827.309.252	3.486.881.427
	<hr/>	<hr/>
	49.676.210.130	28.628.218.531
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2025			1/1/2025				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
Công ty TNHH Vi Nam	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-	Trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	3.661.674.814	(2.563.172.370)	1.098.502.444	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	3.751.674.814	(1.885.837.407)	1.865.837.407
Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa - công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty	Trên 2 năm đến dưới 3 năm	9.238.521.980	(6.083.087.366)	3.155.434.614	Trên 1 năm đến dưới 2 năm	13.238.521.980	(6.235.382.970)	7.003.139.010
Đối tượng khác	Trên 3 năm	203.536.476	(203.536.476)	-	Trên 1 năm đến dưới 6 tháng và trên 3 năm	207.746.316	(204.799.428)	2.946.888
		60.320.000.865	(56.066.063.807)	4.253.937.058		64.414.210.705	(55.542.287.400)	8.871.923.305
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(56.066.063.807)				(55.542.287.400)	

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	146.587.924.871	-	192.398.038.182	-
Nguyên vật liệu	885.382.457.010	-	436.114.698.664	-
Công cụ và dụng cụ	16.112.757.541	-	14.950.126.888	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	37.131.846.348	-	26.758.008.118	-
Thành phẩm	252.027.318.509	(580.461.019)	231.573.605.232	(33.611.274)
	1.337.242.304.279	(580.461.019)	901.794.477.084	(33.611.274)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.563.726.278.269	1.136.403.085.563	191.108.602.333	17.079.745.192	2.908.317.711.357
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	9.895.799.971	98.235.887.946	13.068.268.833	-	121.199.956.750
Thanh lý	(2.008.460.029)	(11.216.710.273)	(5.434.308.045)	(38.713.636)	(18.698.191.983)
Số dư cuối năm	1.571.613.618.211	1.223.422.263.236	198.742.563.121	17.041.031.556	3.010.819.476.124
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	746.615.823.851	843.469.552.704	131.008.732.003	16.959.698.100	1.738.053.806.658
Khấu hao trong năm	73.136.277.001	55.207.824.429	11.522.222.505	115.609.324	139.981.933.259
Thanh lý	(55.790.556)	(9.988.209.593)	(5.434.308.045)	(38.713.636)	(15.517.021.830)
Số dư cuối năm	819.696.310.296	888.689.167.540	137.096.646.463	17.036.593.788	1.862.518.718.087
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	817.110.454.418	292.933.532.859	60.099.870.330	120.047.092	1.170.263.904.699
Số dư cuối năm	751.917.307.915	334.733.095.696	61.645.916.658	4.437.768	1.148.300.758.037

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 951.972 triệu VND (1/1/2025: 789.170 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.352.496.402	47.357.468.650
Tăng trong năm	152.319.838.374	42.765.510.101
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(121.199.956.750)	(80.770.482.349)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	40.472.378.026	9.352.496.402
	<hr/>	<hr/>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	6.416.086.906	8.958.047.418
Máy móc, thiết bị	34.056.291.120	394.448.984
	<hr/>	<hr/>
	40.472.378.026	9.352.496.402
	<hr/>	<hr/>

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công cụ dụng cụ	30.372.371.947	12.180.367.622
Chi phí sửa chữa, cải tạo	16.423.461.598	-
Các khoản khác	278.496.700	11.033.082
	<hr/>	<hr/>
	47.074.330.245	12.191.400.704
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	100.248.527.753	526.634.283	37.512.571.705	138.287.733.741
Tăng trong năm	-	94.246.434	9.665.241.666	9.759.488.100
Phân bổ trong năm	(4.975.927.008)	(523.469.695)	(39.330.787.713)	(44.830.184.416)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	95.272.600.745	97.411.022	7.847.025.658	103.217.037.425
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	60.973.716.514	50.599.782.132
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	3.232.633.606	4.253.240.755
Bên khác		
Borouge Pte Ltd.	23.632.473.150	62.859.292.650
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	57.789.197.569	58.693.010.632
Solmer Future Ltd	-	23.238.123.480
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gredmann Việt Nam	18.427.834.800	-
Công ty TNHH Liên doanh Axaltic Việt Nam	18.220.294.872	-
HYOSUNG Chemical Corporation	20.135.806.145	-
Các nhà cung cấp khác	72.316.375.699	106.999.507.496
	274.728.332.355	306.642.957.145

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Tam Phước	342.087.078.626	232.812.475.640
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	341.799.100.170	225.348.321.127
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	106.494.483.769	94.945.290.577
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	20.110.907.674	41.026.151.952
Iplex Pipelines Australia Pty Ltd	1.272.200.735	1.790.877.430
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	28.121.109	37.990.624
Công ty ATLANTA Hồng Kong	495.918.637	-
	812.287.810.720	595.961.107.350

16. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2025	Số phải nộp	Số đã nộp/	31/12/2025
	VND	trong năm	bù trừ trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	6.307.710.200	506.624.895.151	(503.791.062.669)	9.141.542.682
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	171.293.971.784	(171.293.971.784)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.980.028.156	192.355.072.882	(54.285.309.864)	182.049.791.174
Thuế thu nhập cá nhân	17.838.807.194	46.806.030.508	(37.120.030.901)	27.524.806.801
Tiền thuê đất	-	6.143.061.355	(9.507.740.320)	(3.364.678.965)
Thuế nhập khẩu	355.436.176	27.353.985.874	(27.353.985.919)	355.436.131
Các loại thuế khác	(416.635.870)	628.941.333	(265.294.203)	(52.988.740)
	68.065.345.856	951.205.958.887	(803.617.395.660)	215.653.909.083
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải thu Nhà nước	416.635.870			3.417.667.705
Thuế phải nộp Nhà nước	68.481.981.726			219.071.576.788

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.252.120.893	2.324.396.242
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	79.779.267.028	67.616.625.266
Chi phí vận chuyển	11.217.573.256	7.952.544.181
Chi phí thuê đất	25.292.806.870	18.952.898.621
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	3.236.694.445	6.918.223.882
Chi phí phải trả khác	8.582.082.137	6.463.945.962
	129.360.544.629	110.228.634.154

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	113.585.868.903	103.990.340.637
Bên khác		
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu		
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	-	5.002.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	15.097.928.306	10.803.693.782
Phải trả Công đoàn	11.001.070.765	7.959.725.423
Các khoản phải trả khác	3.798.087.831	4.850.705.171
	143.482.955.805	132.606.465.013

Khoản phải trả phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi suất và hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.369.758.366.181	4.644.722.169.062	(4.947.095.491.843)	1.067.385.043.400

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất năm từ 4,5% đến 5,3% (1/1/2025: từ 3,8% đến 4,8%).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	6.853.132.157	19.475.926.387
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	71.108.529.586	55.209.254.770
Chuyển sang Quỹ Công đoàn	(70.000.000.000)	(65.000.000.000)
Sử dụng trong năm	(3.385.145.800)	(2.832.049.000)
Số dư cuối năm	4.576.515.943	6.853.132.157



Công ty Cổ phần Nhựa Thiệu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	1.295.753.340.000	1.174.251.384.986	404.928.845.920	2.874.933.570.906
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	712.503.809.586	712.503.809.586
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	43.369.623.930	(43.369.623.930)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu (Thuyết minh 23)	129.569.500.000	-	(129.569.500.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	(129.575.334.000)	(129.575.334.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2023 (Thuyết minh 20)	-	-	(55.209.254.770)	(55.209.254.770)
Số dư tại ngày 1/1/2025	1.425.322.840.000	1.217.621.008.916	759.708.942.806	3.402.652.791.722
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	945.826.595.948	945.826.595.948
Cổ tức bằng cổ phiếu phát hành cho các cổ đông hiện hữu (Thuyết minh 23)	285.059.360.000	-	(285.059.360.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	(356.330.710.000)	(356.330.710.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 (Thuyết minh 20)	-	-	(71.108.529.586)	(71.108.529.586)
Số dư tại ngày 31/12/2025	1.710.382.200.000	1.217.621.008.916	993.036.939.168	3.921.040.148.084

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	171.038.220	1.710.382.200.000	142.532.284	1.425.322.840.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	171.038.220	1.710.382.200.000	142.532.284	1.425.322.840.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	171.038.220	1.710.382.200.000	142.532.284	1.425.322.840.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2025		2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	142.532.284	1.425.322.840.000	129.575.334	1.295.753.340.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 23)	28.505.936	285.059.360.000	12.956.950	129.569.500.000
Số dư cuối năm	171.038.220	1.710.382.200.000	142.532.284	1.425.322.840.000

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định i) phân phối khoản cổ tức của năm 2024 bằng tiền trị giá 356.330 triệu VND (2.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ) (2024: phân phối khoản cổ tức còn lại của năm 2023 bằng tiền trị giá 129.575 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ)); và ii) đã trả cổ tức cho năm 2024 bằng cách phát hành 28.505.936 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương đương 285.059 triệu VND.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.555.504.900	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	70.222.019.600	43.447.992.500
Trên năm năm	338.761.581.713	206.297.826.313
	426.539.106.213	260.607.816.938

(b) Ngoại tệ

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	173.350	4.489.761.115	229.714	5.800.245.928

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2025	1/1/2025
			VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng với giá trị là 179.576.446.749 VND (1/1/2025: 122.763.480.049 VND).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	5.925.287.520.115	4.888.298.673.304
▪ Doanh thu khác	311.216.643.386	391.970.359.028
	<hr/> 6.236.504.163.501	<hr/> 5.280.269.032.332
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(168.966.851.203)	(143.348.800.547)
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.525.132.121)	(10.066.612.718)
	<hr/> (175.491.983.324)	<hr/> (153.415.413.265)
Doanh thu thuần	<hr/> 6.061.012.180.177	<hr/> 5.126.853.619.067

27. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	3.984.811.917.763	3.260.112.139.598
▪ Giá vốn khác	300.473.683.961	379.175.960.264
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	546.849.745	33.611.274
	<hr/> 4.285.832.451.469	<hr/> 3.639.321.711.136

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	161.128.809.569	83.067.479.996
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.497.634.805	1.887.541.104
Cổ tức và lợi nhuận được chia	208.081.735.392	176.644.451.735
	<hr/> 370.708.179.766	<hr/> 261.599.472.835

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	74.119.237.493	45.940.813.068
Chiết khấu thanh toán	42.141.301.843	32.749.878.162
Lỗi chênh lệch tỷ giá	257.546.720	2.481.528.710
	<hr/>	<hr/>
	116.518.086.056	81.172.219.940
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

30. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	71.571.810.274	56.210.409.759
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	245.954.980.637	280.778.396.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.894.478.599	20.200.401.569
Chi phí vận chuyển	116.821.613.360	93.841.031.360
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	94.112.893.195	92.432.758.959
Chi phí bán hàng khác	65.055.292.126	63.899.896.553
	<hr/>	<hr/>
	609.411.068.191	607.362.894.254
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	130.614.837.173	103.149.251.237
Chi phí khấu hao và phân bổ	49.309.135.958	25.505.184.663
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	523.776.407	572.700.867
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	94.694.398.238	81.448.133.471
	<hr/>	<hr/>
	275.142.147.776	210.675.270.238
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.745.599.121.810	3.160.807.848.365
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	245.954.980.638	280.778.396.054
Chi phí nhân công và nhân viên	528.213.951.893	413.114.429.474
Chi phí khấu hao và phân bổ	139.981.933.259	144.041.161.626
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	523.776.407	572.700.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.883.586.688	340.609.734.751
Chi phí khác	136.509.018.503	98.242.970.637

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	192.565.438.864	140.346.544.980
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(210.365.982)	3.156.588.899
	192.355.072.882	143.503.133.879

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.138.181.668.830	856.006.943.465
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	227.636.333.766	171.201.388.693
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.545.452.176	4.474.046.634
Thu nhập không bị tính thuế	(41.616.347.078)	(35.328.890.347)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(210.365.982)	3.156.588.899
	192.355.072.882	143.503.133.879

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung		
Bán hàng hóa, dịch vụ	15.199.391.051	106.116.859.089
Mua hàng hóa	13.953.864.268	35.044.928.629
Phân phối lợi nhuận	203.275.081.024	169.544.177.267
Mua dịch vụ	575.822.286	681.533.190
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam		
Bán hàng hóa	216.051.807.990	149.232.705.914
Mua hàng hóa, dịch vụ	321.410.984.123	261.177.763.548
Hàng bán bị trả lại	-	407.815.350
Thu nhập khác	212.051.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong		
Mua hàng hóa, dịch vụ	39.831.103.844	34.652.719.097
Cổ tức được chia	-	499.775.000
Doanh thu bán hàng hóa	28.850.000	24.650.000
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao, thưởng và phúc lợi khác		
Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch	6.063.766.396	5.135.414.249
Ông Noboru Kobayashi – Phó chủ tịch	1.421.028.000	1.044.300.000
Ông Trịnh Văn Tuấn – Thành viên độc lập (từ ngày 19/5/2025)	527.400.000	-
Bà Vũ Thị Minh Nhật – Thành viên độc lập (từ ngày 19/5/2025)	594.000.000	-
Bà Đặng Phương Lan – Thành viên (từ ngày 19/5/2025)	342.857.000	-
Ông Bùi Đức Long – Thành viên (đến ngày 19/5/2025)	407.000.000	378.150.000
Ông Đào Anh Thắng – Thành viên độc lập (đến ngày 19/5/2025)	511.978.500	2.143.435.500

2042 -
 NG TY
 NHH
 PMG
 PHỔ HỮU

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	6.654.347.740	4.858.125.303
Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác	4.499.579.516	3.867.192.682
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác (không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên)	11.475.189.612	8.180.711.900

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc năm

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 64/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2025 trị giá 256.557 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ). Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 12 tháng 1 năm 2026. Ngày 20 tháng 1 năm 2026, Công ty đã trả khoản cổ tức này cho các cổ đông.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người duyệt:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

